

**Tập 130**

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm tám mươi bốn, đoạn này giảng về y báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

**(Kinh) Vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc.**

**(經) 無有眾苦。但受諸樂。**

**(Kinh: Chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những sự vui).**

Lần trước đã giới thiệu ý nghĩa “vô hữu chúng khổ” rồi, hôm nay, đoạn này nói đến [y báo trang nghiêm] trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

**(Sao) Nhi bỉ quốc liên hoa hóa sanh, tắc vô Sanh Khổ.**

**(鈔) 而彼國蓮華化生，則無生苦。**

**(Sao: Nhưng cõi ấy là liên hoa hóa sanh nên chẳng có Sanh Khổ).**

Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh.

**(Sao) Hàn thử bất thiên, tắc vô Lão Khổ.**

**(鈔) 寒暑不遷，則無老苦。**

**(Sao: Lạnh nóng chẳng dời đổi, nên chẳng có Lão Khổ).**

Đây là nói trong thế giới của chúng ta, bốn mùa biến hóa, Xuân, Hạ, Thu, Đông, giáp vòng xoay vùn, nên mới có Lão Khổ. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có [bốn mùa biến hóa], thế giới ấy là một thế giới quang minh. Thân thể mỗi cá nhân đều tỏa quang minh, hết thủy vạn vật đều có quang minh; do vậy, thế giới ấy chẳng có ngày hay đêm. Ở nơi đây, địa cầu hướng về mặt trời là ban ngày, xoay lưng về mặt trời là ban đêm, [nên ngày đêm, thời tiết] tự xoay chuyển. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng cần đến mặt trời, mặt trăng, vì cõi ấy chẳng có ngày hay đêm, chẳng có lạnh, nóng, tất cả hết thủy khí hậu biến hóa đều thuận theo lòng mong muốn, thuận theo tâm nguyện của chính mình mà có thể thích hợp, hoàn toàn đạt đến “cảnh chuyển theo tâm”. Không chỉ là tất cả hoàn cảnh có thể chuyển theo tâm, mà thân thể cũng chuyển theo tâm. Thân thể có thể chuyển theo tâm, sẽ không già. Nếu quý vị muốn già, sẽ hiện tướng già.

Quý vị chẳng muốn già, vĩnh viễn chẳng có tướng già xuất hiện. Nói thật ra, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, những danh từ “sinh, lão, bệnh, tử” đều chẳng nghe nói tới, vì thế giới ấy chẳng có những chuyện đó, như Cầu Bất Đắc, Ái Biệt Ly, Oán Tăng Hội chẳng tìm thấy tại Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định chẳng có những chuyện ấy. Vì thế, danh từ cũng đều chẳng có.

**(Sao) Thân ly Phần Đoạn, tắc vô Bệnh Khổ.**

**(鈔) 身離分段，則無病苦。**

**(Sao: Thân lìa Phần Đoạn, nên không có Bệnh Khổ).**

Thế giới này của chúng ta mới có Phần Đoạn sanh tử, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có. Do vậy, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng ngã bệnh.

**(Sao) Thọ mạng vô lượng, tắc vô Tử Khổ, vô phụ mẫu thân tử, tắc vô Ái Biệt Ly Khổ.**

**(鈔) 壽命無量，則無死苦，無父母妻子，則無愛別離苦。**

**(Sao: Thọ mạng vô lượng nên chẳng có Tử Khổ, chẳng có cha, mẹ, vợ, con nên chẳng có Ái Biệt Ly Khổ).**

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là hoa sen hóa sanh, nên chẳng có cha, mẹ, người nhà, quyến thuộc, chẳng có những điều này. Do vậy, quý vị chẳng có Ái Biệt Ly Khổ, chẳng có những niềm ân ái ấy.

**(Sao) Chư thượng thiện nhân đồng hội nhất xứ, tắc vô Oán Tăng Hội Khổ.**

**(鈔) 諸上善人同會一處，則無冤憎會苦。**

**(Sao: Các vị thượng thiện nhân cùng ở một chỗ, nên chẳng có Oán Tăng Hội Khổ).**

Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là thượng thiện nhân, nói cách khác, quyết định chẳng có oan gia. Dầu là oan gia của quý vị trong đời quá khứ hay trong kiếp này, nếu cùng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thấy oán nghiệp trong đời quá khứ đều là một nét bút sớ toẹt, tâm đã thanh tịnh. Tâm chẳng tịnh, chẳng sanh Tịnh Độ! Điều này rất khản

yếu. Trong thế gian này, chúng ta chớ nên mê hoặc, điên đảo nữa, càng phải nên hiểu rõ vì sao chúng ta học Phật? Nếu thật sự vì liễu sanh tử, thật sự vì vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với hết thảy sự vật trước mắt trong thế gian này chúng ta phải thấy thấu suốt, coi nhẹ, chớ nên coi chúng quá nghiêm túc. Hễ coi chúng quá nghiêm túc, sẽ là chướng ngại lớn nhất cho việc liễu sanh tử, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới của quý vị. Mục đích của ta là mong cầu sanh về Tây Phương, kết quả là chẳng thể vãng sanh thì đáng tiếc quá! Do vậy, thật sự phát nguyện vãng sanh, ắt phải đừng nên so đo hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất trong thế gian nữa. Điều gì cho qua được hãy cho qua, tùy duyên sống qua ngày, chẳng cần so đo với kẻ khác.

Ngoài việc chính mình một mực chuyên niệm ra, chúng ta ắt phải tận tâm tận lực giới thiệu pháp môn này với người khác, đó là đường lối duy nhất để chúng ta báo ân Phật. Trừ cách ấy ra, chúng ta chẳng có cách nào báo đáp đại ân đại đức của Phật. Ân đức ấy to lớn, nếu chur vị suy nghĩ cẩn kẽ, [sẽ thấy ân đức ấy] quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Từ vô thủy kiếp tới nay sanh tử luân hồi trong lục đạo, khổ lắm! Chẳng có phương pháp nào xuất ly, chẳng có nhân duyên giải thoát, rất khó đạt được trong một đời, không chỉ có thể giải quyết vấn đề sanh tử, mà còn đạt được lợi ích thành Phật rốt ráo. Chuyện này các vị Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác trong mười phương thế giới có mơ vẫn chẳng thể cầu được, [thế mà] ngày nay chúng ta gặp gỡ, đạt được. Kinh này đúng như kinh Đại Bồn đã nói, Đại Bồn là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ và kinh này đồng bộ, một kinh nói tỉ mỉ, một kinh nói đơn giản: Đức Phật giảng cho chúng ta “*điều lợi chân thật*”, chân thật nhất trong các thứ chân thật. Cái được gọi là “*điều lợi chân thật*” chính là lợi ích thành Phật. Nếu chẳng phải là thành vị Phật rốt ráo viên mãn, đều chẳng thể coi là chân thật!

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thảy điều thiện viên mãn trọn đủ, hết thảy điều ác đều đoạn sạch sành sanh. Chẳng vãng sanh, đoạn ác tu thiện chẳng dễ dàng! Chúng tử tập khí ác trong A Lại Da Thức từ vô thủy kiếp tới nay chẳng thể đoạn ngay trong một lúc được! Chỉ có đến thế giới Tây Phương mới có thể đoạn hết. Vì sao? Vì cảnh giới Tây Phương chẳng có ác duyên, dầu quý vị có chúng tử tập khí ác, nhưng chẳng có duyên, chúng sẽ chẳng thể dấy lên hiện hành, sẽ chẳng thể kết quả. Vì thế, tới đó mới thật sự đoạn hết. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thảy thiện pháp, tất cả thiện duyên đều trọn đủ; do vậy, chúng tử thiện đều có thể dấy lên hiện hành, hết thảy thiện pháp đều trọn đủ viên mãn. Đích xác là các vị Bồ Tát trong các thế giới phương khác có mơ cũng

chẳng thể cầu được điều này! Chúng ta đời đời kiếp kiếp cũng mong cầu, nhưng đều chẳng cầu được, [thế mà] trong một đời này gặp được! Gặp gỡ, nói thật ra, chẳng phải là ngẫu nhiên, Đại Kinh nói: “*Nhược phi vãng tích tu phước huệ, u thử đại pháp bất năng văn*” (nếu chẳng tu phước huệ trong quá khứ, chẳng thể nghe đại pháp này). Đó là phước huệ chúng ta đã tu trong đời quá khứ, tới lúc này [phước huệ] hiện tiền bèn gặp gỡ pháp môn này. Gặp pháp môn này, chúng ta có thể thành tựu hay không, sẽ tùy thuộc phước huệ trong đời quá khứ của chúng ta dày hay mỏng. Nếu thiện căn quá khứ thật sự sâu dày, sau khi quý vị được nghe bèn quyết định nghiêm túc tu học, chẳng dám buông bỏ, không dám biếng trễ, chẳng dám buông lung, nghiêm túc tu học, quyết định thành tựu trong một đời này. Vì thế, nhân duyên này quả thật chẳng dễ dàng.

**(Sao) Sở dục tự chí, tắc vô Cầu Bất Đắc Khổ.**

**(鈔) 所欲自至，則無求不得苦。**

*(Sao: Những điều mong muốn đều tự đưa tới nên chẳng có Cầu Bất Đắc Khổ).*

Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thảy thụ dụng thuận theo lòng mong muốn, chẳng có Cầu Bất Đắc. Đàm lão pháp sư có nói: “*Nghĩ đến áo bèn được áo, nghĩ đến ăn bèn được ăn*”. Nghĩ tới gì, thứ ấy bèn hiện tiền, chẳng cần phải lo toan, chẳng cần phải tạo tác, thế giới tốt đẹp dường ấy! Vì thế, cõi ấy chẳng có Cầu Bất Đắc, trong tâm vừa dấy một niệm, cảnh giới bèn hiện tiền.

**(Sao) Quán chiếu không tịch, tắc vô Ngũ Âm Thịnh Khổ.**

**(鈔) 觀照空寂，則無五陰盛苦。**

*(Sao: Quán chiếu không tịch nên chẳng có Ngũ Âm Xí Thịnh Khổ).*

Từ một câu này, ở đây chúng ta có thể thấu hiểu người trong Tây Phương Cực Lạc rốt ráo thuộc về cảnh giới nào. Đối với bảy loại đau trong tám khổ, do người bên ấy phước báo to lớn, và cũng nhờ vào thần lực của A Di Đà Phật gia trì nên chẳng có bảy thứ khổ ấy. Còn nỗi khổ này, tức Ngũ Âm Xí Thịnh Khổ (khổ vì năm âm lừng lẫy) chẳng có thì phải dựa vào công phu của chính mình. Công phu như thế nào? Mọi người đọc Tâm Kinh, thấy trong Tâm Kinh có nói: “*Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không*”, chính là cảnh giới này, tức là quán chiếu Bát Nhã. Cảnh giới của Tâm Kinh là cảnh giới

của Quán Thế Âm Bồ Tát, cảnh giới của Đẳng Giác Bồ Tát. Nếu chúng ta hạ thấp [mức độ] xuống, hạ đến mức độ thấp nhất, [cảnh giới ấy] cũng là [cảnh giới của] Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo thì mới tương ứng. Nói cách khác, chẳng cần nói đến địa vị rất cao, “*vị tề Đẳng Giác*” (địa vị ngang với bậc Đẳng Giác), chúng ta chẳng thể tin tưởng, mức độ thấp nhất là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, địa vị sẽ là Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Điều này chẳng có mảy may nghi vấn gì!

Rõ ràng là một gã phàm phu, trong chốc lát được nâng cao lên tới mức cao dường ấy, đích xác là trong hết thảy các kinh điển chẳng có cách nói này, trong các thế giới của mười phương chư Phật cũng chẳng có sự thật này, chỉ riêng thế giới Tây Phương là đặc biệt. Rành rành là một gã phàm phu, đã thế, kẻ phàm phu ấy thậm chí là phàm phu Ngũ Nghịch, Thập Ác, nguyện thứ mười tám trong đại nguyện của Phật Di Đà đã có nói: “*Mười niệm nhất định vãng sanh*”, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung mười niệm cũng có thể vãng sanh. Trong bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ chỉ nói một điều kiện, nếu quý vị chẳng thể tin nhận, vãng làm, sẽ chẳng thể vãng sanh, kinh nói “*duy trừ hủy báng*” (chỉ trừ kẻ hủy báng) là chẳng thể vãng sanh. Nếu có thể tin nhận, vãng làm, phò trợ Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung thật sự sám hối đều có thể vãng sanh. Vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thụ dụng giống như những điều được nói ở đây! Rõ ràng là một chúng sanh trong địa ngục, thoáng chốc liền có thể nâng cao, lên cao tới địa vị Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, điều này chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta đọc chú sớ của kinh văn, thấy những chỗ như thế này phải đặc biệt lưu ý, phải cẩn thận lãnh hội, mới biết pháp môn này thù thắng, mới biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Bản thân chúng ta cảm thấy đặc biệt may mắn, trong một đời này, chúng ta học Phật vì sao có thể gặp một pháp môn như vậy, đúng là giống như trúng giải độc đắc, lẽ nào chẳng hoan hỷ? Trúng giải độc đắc thì chúng ta hãy khéo gìn giữ, chớ nên vứt bỏ. Nếu vứt bỏ thì quá đáng tiếc, quyết định chớ nên vứt bỏ. Từ nay trở đi bèn thật thà niệm Phật, y giáo tu hành. Trên đây là giảng về tám khổ, phần dưới đây giải thích mười khổ:

***(Sao) Thập khổ giả, Bồ Tát Tạng kinh, vị nhất sanh khổ, nhị lão khổ, nữ chí thập sanh tử lưu chuyển khổ. Bách nhất thập khổ giả, Du Già Luận, nhất vô sai biệt lưu chuyển khổ, nhị dục khổ si khổ, nữ chí ngũ thập ngũ khổ, thứ cửu chủng khổ, ư cửu chủng trung, hựu thứ đệ***

**điệp khai thành ngũ thập ngũ, hợp chi vi bách nhất thập khổ. Kim bỉ quốc giai vô dã.**

(鈔) 十苦者，菩薩藏經，謂一生苦，二老苦，乃至十生死流轉苦。百一十苦者，瑜伽論，一無差別流轉苦，二欲苦痴苦，乃至五十五苦；次九種苦，於九種中，又次第疊開成五十五，合之為百一十苦。今彼國皆無也。

(Sao: Mười khổ là theo kinh Bồ Tát Tạng, một là sanh khổ, hai là lão khổ, cho đến mười là sanh tử lưu chuyển khổ<sup>1</sup>. Một trăm mười khổ: Theo luận Du Già, một là vô sai biệt lưu chuyển khổ, hai là dục khổ si khổ, cho đến sự khổ thứ năm mươi lăm, tiếp đó là chín thứ khổ, trong chín thứ ấy, [mỗi thứ] lại lần lượt tách ra thành năm mươi lăm thứ, hợp lại thành một trăm mười thứ khổ. Nay cõi kia đều chẳng có [những thứ khổ ấy]).

Chúng ta có thể tinh lược đoạn này, đoạn này nhằm giải thích “tam khổ, tám khổ, mười khổ, một trăm mười thứ khổ” trong lời Sớ. Nếu chư vị muốn biết rõ chi tiết, xin xem Du Già Sư Địa Luận. Du Già Sư Địa Luận gồm một trăm quyển, đoạn này thuộc quyển bốn mươi bốn. Quyển bốn mươi bốn của Du Già Sư Địa Luận đã giảng rất tỉ mỉ một trăm mười thứ khổ. Nói thật ra, khổ quá nhiều, quy nạp phân loại sẽ thành một trăm mười thứ khổ, khổ quá nhiều, nói chẳng xiết! Có tám vạn bốn ngàn nỗi khổ. Đoạn này nhằm nói rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng đều chẳng có [những nỗi khổ ấy]. Bất quá chư vị ghi nhớ một nguyên tắc, nói mười khổ cũng thế, mà nói một trăm mười thứ khổ cũng vậy, nói tám vạn bốn ngàn nỗi khổ, hoặc là vô lượng vô biên nỗi khổ, quy nạp lại sẽ là tam khổ và tám khổ, quyết định không ra ngoài phạm vi ấy. Đại cương tổng quát là tam khổ, [tức là] Dục Giới Khổ, Sắc Giới Khổ, và Vô Sắc Giới Khổ. Nói tám khổ là nói tới Khổ Khổ trong Dục Giới, Khổ Khổ lại chia thành tám loại. Vì thế, chúng tôi nói tỉ mỉ về Tam Khổ và Bát Khổ, những thứ khác đều có thể tinh lược, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng đều chẳng có [những nỗi khổ ấy].

**(Sao) Nhiên ước chi bất xuất tam khổ, bát khổ, nhiếp chủng chủng khổ.**

---

<sup>1</sup> Thập Khổ là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, sầu khổ, oán khổ, khổ thọ (cảm nhận sự đau khổ, đây là Khổ Thọ trong ba thứ Thọ), ưu khổ, bệnh não khổ (sự đau khổ do bệnh tật bức bách), sanh tử lưu chuyển khổ.

(鈔) 然約之不出三苦八苦，攝種種苦。

(Sao: Nhưng nói tóm lại, chẳng ra ngoài ba khổ và tám khổ, [các loại khổ ấy] nhiếp các thứ khổ).

“Uớc” (約) là quy nạp, quy nạp lại thì chẳng ngoài tam khổ và bát khổ.

(Sao) Nhị chủng sanh tử giả, vị Phần Đoạn, Biến Dịch. Phần Đoạn giả, Tứ Đại sở thành, hữu phân tề đoạn lạc, như thượng bát khổ trung thuyết. Biến Dịch, tức Nhị Thừa Bồ Tát, tuy ly Phần Đoạn, vị miễn tứ tướng thiên lưu, nhân di quả dịch, diệc danh vi Khổ.

(鈔) 二種生死者，謂分段、變易。分段者，四大所成，有分齊段落，如上八苦中說。變易，則二乘菩薩，雖離分段，未免四相遷流，因移果易，亦名為苦。

(Sao: Hai thứ sanh tử là Phần Đoạn và Biến Dịch. Phần Đoạn: Do Tứ Đại hợp thành, tồn tại một khoảng thời gian, như trong tám khổ ở phần trên đã nói. Biến Dịch: Nhị Thừa và Bồ Tát tuy đã lìa Phần Đoạn, nhưng chẳng tránh khỏi bốn tướng đổi dời, nhân dời, quả đổi, cũng gọi là Khổ).

Phần Đoạn là từng phần, từng đoạn. Nói theo cách phân chia đại lược thì giống như thế gian này của chúng ta, từ sanh ra cho đến khi chết đi là một giai đoạn, một đời là một giai đoạn. Sau khi đã chết, quý vị thấy kinh Địa Tạng nói, chẳng quá bốn mươi chín ngày kể ấy lại đầu thai. Từ khi người ấy đầu thai đến khi tử vong lại là một giai đoạn nữa. Sanh tử như vậy là sanh tử trong lục đạo luân hồi, được gọi là Phần Đoạn sanh tử. Đây là nói thô thiển. Nếu nói tỉ mỉ, sẽ là Phần Đoạn sanh tử trong từng sát-na. Con người hiện đại hiểu điều này, thân thể của chúng ta do các tế bào hợp thành. Tế bào thay cũ, đổi mới, trong từng sát-na có rất nhiều tế bào tử vong, và có rất nhiều tế bào mới hình thành. Kinh giảng rất khoa học, kinh dạy thân thể này của chúng ta là thân thể vật chất, tuần hoàn mỗi bảy năm. Nói cách khác, bảy năm trước so với hiện tại là bảy năm sau, các tế bào cũ chẳng còn nữa. Bảy năm là một chu kỳ tuần hoàn, [thay đổi] dần dần giống như thay linh kiện, thông thả thay đổi, thay đổi trọn hết, tất cả đều đổi thành mới. Những tế bào mới này có những cấu trúc chẳng bằng tế bào cũ, nên chúng già yếu, chẳng được tốt đẹp như cái cũ. Chúng ta thích đổi lấy linh kiện mới, hay là đổi lấy thứ cũ kỹ người khác chẳng cần nữa? Đổi cái cũ, càng đổi càng tệ, tuổi càng cao, lão bệnh đều xảy đến.

Quý vị đôi linh kiện, nhưng đôi lấy thứ rất kém cỏi. Tuổi trẻ thân thể khỏe mạnh, đôi lấy toàn là thứ mới. Thừa cùng quý vị, điều này có quan hệ rất lớn đối với tâm cảnh của chúng ta.

Người có tâm tình, tình tự tốt đẹp, tuy tuổi tác đã cao, chẳng lộ vẻ già nua, người ấy tuổi già chứ tâm người ấy chẳng già! Tâm không già nên thân cũng chẳng già, thân thể chuyển theo tâm! Tuy người chẳng già, nhưng kẻ ấy tự cảm thấy mình đã lớn tuổi quá, ta sắp chết rồi, thân thể người ấy sẽ tự nhiên lão hóa. Thật vậy! Thân thể là chánh báo, biến hóa theo tâm lý và tình tự của chúng ta. Người tuổi cao tâm tình khác với thuở thanh niên và tráng niên. Nếu người già giữ được tâm thái thanh thiếu niên, người ấy sẽ chẳng già! Do vậy, [những gì] Phật pháp nói đích xác là rất khoa học! Nói tỉ mỉ thì Phần Đoạn sanh tử cũng là sanh tử trong từng sát-na, tức là nói các tế bào trên thân thể chúng ta thay cũ đổi mới, đó là một loại. Người có Phần Đoạn sanh tử nhất định có Biến Dịch sanh tử; nhưng người có Biến Dịch sanh tử chẳng nhất định có Phần Đoạn sanh tử.

Biến Dịch là gì? Nói thật ra, Biến Dịch chẳng có sanh tử, xác thực là chẳng có sanh tử. Sanh tử có nghĩa là khổ. Tuy chẳng sanh tử, nhưng kẻ ấy có khổ, nên tỷ dụ Biến Dịch như sanh tử. Biến Dịch là [quá trình] nâng cao [cảnh giới] trong sự tu hành chúng quả. Thí dụ như Sơ Quả trong Tiểu Thừa phải trải qua công phu tu hành kha khá mới có thể chứng đắc Nhị Quả. Sau khi chứng đắc Nhị Quả, lại phải tu hành mới có thể chứng đắc Tam Quả. Sự tu hành này cũng khổ. Người ấy chẳng chịu nổi khổ đó, sẽ không thể tiến lên, chuyện như thế được gọi là Biến Dịch. Từ Sơ Quả lên đến Nhị Quả là một sự biến hóa, nói tới ý nghĩa ấy. Giống như học trò học hành trong nhà trường, học lớp Một, phải học đàng hoàng suốt một năm mới có thể lên lớp Hai, học lớp Một rất nhọc nhằn mới có thể lên lớp Hai. Lại nhọc nhằn học lớp Hai suốt một năm mới có thể lên lớp Ba. Mang ý nghĩa đó: Biến hóa. Người ấy hoàn toàn chẳng phải là thật sự có sanh tử, chẳng rõ rệt giống như Phần Đoạn sanh tử đã được nói trong phần trước, chẳng phải vậy! Ở đây là nói tu hành chúng quả cũng phải trải qua một phen rèn giũa thì mới có thể đạt thành tựu. Đây là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát; từ Bồ Tát mãi cho đến Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn có Biến Dịch. Đẳng Giác Bồ Tát phải trải qua một lần Biến Dịch nữa bèn thành Phật. Nói nghiêm ngặt, ai chẳng có Biến Dịch sanh tử? Thành Phật mới chẳng có. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn có một lần Biến Dịch sanh tử. Chúng ta nói những vị như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí vẫn còn có một lần Biến Dịch sanh tử.



**(Sao) Bỉ quốc liên hoa hóa sanh, nhất sanh bất thoái, hà lự nhị chủng khổ dã.**

**(鈔) 彼國蓮華化生，一生不退，何慮二種苦也。**

**(Sao: Cõi ấy liên hoa hóa sanh, hễ sanh về đó liền bất thoái, còn lo gì hai thứ khổ nữa!)**

Bất luận là người như thế nào, bất luận người ấy thuộc địa vị ra sao, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều viên chứng ba món Bất Thoái. Không chỉ chẳng có Phần Đoạn sanh tử, như trong phần trước đã nói, người ấy chẳng có sanh, lão, bệnh, tử, mà cũng chẳng cần quan tâm đến Biến Dịch sanh tử. Nhưng ngoài Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát [trong các thế giới khác] đều rất quan tâm đến Biến Dịch sanh tử, vì sao? Vì họ bị mê khi cách ám, bị thoái chuyển, đây là chuyện rất phiền phức. Do vậy, tu hành phải trải qua nhiều kiếp dài lâu. Vì sao bị thoái chuyển? Bên trong chẳng đoạn sạch phiền não, bên ngoài nếu gặp duyên [thì những phiền não ấy] lại dấy lên hiện hành, sẽ phiền phức, bị thoái chuyển liền. Hễ thoái chuyển thì sẽ rất tai hại. Vừa lui sụt liền lui sụt rất nhiều, chẳng phải là lui sụt một bước! Sau khi thoái chuyển thì đời sau chẳng bằng đời trước.

Thí dụ như từ lịch sử Trung Quốc, chúng ta thấy thiền sư Ngũ Tổ Giới của Thiền Tông, thuở ấy Sư tu trì khá lắm, thấy những hộ pháp trai chủ trong chùa có những người làm quan to. Sư trông thấy, trong tâm hâm mộ, dấy lên ý niệm này, phiền phức ngay! Đời sau bèn làm quan, bị thoái chuyển. Đời sau làm người nào? Tô Đông Pha, hậu thân của thiền sư Ngũ Tổ Giới là Tô Đông Pha. Tô Đông Pha bị biếm trích về phương Nam, chỉ mang theo một cuộn tranh vẽ hình tượng A Di Đà Phật, nói: “*Thử Thức sanh Tây Phương công cứ dã*” (đây là Tây Phương công cứ của Thức<sup>2</sup> trong đời này). Từ ngữ “*Tây Phương công cứ*” do Tô Đông Pha nói ra. Về sau, Tô Đông Pha mất, ông ta cũng suốt đời học Phật, cũng là cả đời niệm Phật, đáng tiếc do tập khí quá sâu, chẳng thể vãng sanh. Nếu ông ta vãng sanh thì sẽ không có chuyện gì! Lịch sử có ghi chép hậu thân của ông ta, là một viên quan rất nhỏ có tên tuổi đảng hoàng, giống như khoa trưởng hoặc khoa viên trong chánh phủ hiện thời. Đúng là mỗi đời một

---

<sup>2</sup> Tô Đông Pha tên thật là Tô Thức (蘇軾), tự là Tử Chiêm, một tên tự khác là Hòa Trọng, có hiệu là Đông Pha Cư Sĩ. Do chống đối chính sách kinh tế và chính trị của Tể Tướng Vương An Thạch (thường được gọi là Tân Đảng), ông bị vu cáo nhiều tội và bị vua đày (biếm trích) xuống Hàng Châu.

kém hơn, sụt lui trên một mức độ to lớn! Chúng ta chẳng biết đời kế tiếp nữa [của Tô Đông Pha]. Từ lịch sử, chúng ta thấy Giới thiên sư tụt lùi hai lần; thậm chí Bồ Tát còn bị mê khi cách âm. Do vậy, vãng sanh Tây Phương sẽ chẳng gặp nổi khó khăn này!

Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn, ngủ trong thế gian hễ động tâm đôi chút sẽ biến thành chướng ngại, Tô Đông Pha cũng là một người niệm Phật nhưng chẳng thể vãng sanh. Lúc tôi vừa mới học Phật, gặp thầy Lý, thầy Lý khuyên tôi, vì khi đó tôi vẫn chưa xuất gia, còn dùng thân phận cư sĩ theo học với thầy Lý. Cụ bảo tôi: “*Cổ nhân chẳng học Tô Đông Pha, người đời nay chẳng học theo Lương Khải Siêu*”. Cụ giảng giải, hai người ấy đều là đại Phật học gia, nhưng đều chẳng thể thành tựu, vẫn y như cũ chẳng thể thoát ly lục đạo luân hồi. Do vậy, phải đào thải sạch sành sanh hết thầy tập khí thế gian, nhất tâm hướng theo Phật đạo, nhất tâm giữ lấy Tịnh Độ, chúng ta suốt đời nỗ lực như vậy mới hòng có thành tựu. Phải coi nhẹ duyên thế gian, chớ nên so đo, bất luận chỗ nào cũng đều là chỗ để chúng ta an thân lập mạng, chẳng cần phải chọn lựa, điều khẩn yếu là giữ gìn thân tâm thanh tịnh. Câu Phật hiệu chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, rõ ràng, minh bạch, chỉ cần công phu sâu xa, tự nhiên biết trước lúc mất, như vậy thì đời này chẳng bị luống uổng!

**(Sao) Đại Bản vân: “Bỉ quốc bất văn khổ danh, hà hưởng thật khổ?”** Cổ vân “*vô hữu chúng khổ*”.

**(鈔) 大本云：彼國不聞苦名，何況實苦。故云無有眾苦。**

**(Sao: Kinh Đại Bản nói: “Cõi ấy chẳng nghe danh tự sự khổ, hưởng hồ có khổ thật sự?”** Vì thế nói “*chẳng có các khổ*”).

Kinh Vô Lượng Thọ nói: Bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngay cả những danh xưng của sự khổ còn chẳng có, há có những sự ấy? Ở nơi đây, Tổ đã vì chúng ta giải thích cặn kẽ, thầy đều nhằm làm cho chúng ta đoạn nghi sanh tín, thế giới ấy quả thật chẳng giống các thế giới của mười phương chư Phật. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có tất cả các sự khổ như trong mười phương thế giới; do vậy, mới gọi là thế giới Cực Lạc.

**(Sao) Nhị chủng thanh tịnh giả, luận minh nhất giả khí thế gian thanh tịnh, nhị giả chúng sanh thế gian thanh tịnh. Tức y chánh nhị**

**báo, công đức trang nghiêm, như hạ văn trung, cập Đại Bản, Quán Kinh tường biện.**

(鈔) 二種清淨者，論明一者器世間清淨，二者眾生世間清淨。即依正二報，功德莊嚴，如下文中，及大本觀經詳辯。

(Sao: Hai thứ thanh tịnh: Luận nói [hai thứ thanh tịnh] thì một là khí thể gian thanh tịnh, hai là chúng sanh thể gian thanh tịnh, tức là y báo và chánh báo công đức trang nghiêm, như trong phần kinh văn ở phía sau, Đại Bản và Quán Kinh sẽ nói tỉ mỉ).

Tây Phương Cực Lạc có hai thứ thanh tịnh, hai thứ ấy là y báo và chánh báo, tức là khí thể gian và chúng sanh thể gian. Hai thứ đều thanh tịnh, đó là “y chánh trang nghiêm”. “Hạ văn”: Phần sau kinh này sẽ nói đến. Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ, Quán Kinh là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Trong Tịnh Độ Tam Kinh, Đại Bản và Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh giảng giải tỉ mỉ [y báo và chánh báo trang nghiêm]. Ở đây, đại sư giả thiết một đoạn văn đáp:

(Sao) Vấn: Tịnh Danh vân, nhất thiết chúng sanh tức tịch diệt tướng, bất phục cánh diệt, tặc nhất thiết quốc độ tức Cực Lạc tướng, hà cánh hữu lạc. Kim khai khổ lạc, tự vi bỉ kinh?

(鈔) 問：淨名云，一切眾生即寂滅相，不復更滅，則一切國土即極樂相，何更有樂。今開苦樂，似違彼經？

(Sao: Kinh Tịnh Danh nói hết thấy chúng sanh chính là tướng tịch diệt, há còn có tịch diệt, hết thấy cõi nước chính là tướng Cực Lạc, há còn có lạc? Nay kinh này tách bạch khổ và vui, dường như mâu thuẫn với kinh ấy).

Tịnh Danh là kinh Duy Ma Cật. Dùng ý nghĩa trong một đoạn kinh Duy Ma Cật để đối chiếu với đoạn này, dường như cách nói trong kinh này mâu thuẫn kinh Duy Ma, nên nêu ra một nghi vấn như thế. Ý nghĩa của lời hỏi là “hết thấy chúng sanh chính là tướng tịch diệt, há còn có diệt”, đó chính là như kinh Duy Ma đã nói: “Sanh tử tức Niết Bàn, phiền não tức Bồ Đề”, là một, chẳng hai. Nếu dựa theo nguyên lý này, chúng sanh trong chín pháp giới, tức hết thấy hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới sanh tử chính là tu ác, tu ác là tánh ác, tánh ác dung thông, mặc tình nhiếp trì sự tu thiện trong Phật pháp giới, nên mới nói là “tu thiện”. Vì thế nói: “Sanh tử tức Niết Bàn tướng”, chẳng cần phải diệt sanh tử,

chứng Niết Bàn. Nói cách khác, ở ngay trong sanh tử mà chứng Niết Bàn. Đây là trước hết từ kinh Duy Ma kiến lập một đại tiền đề, sau đây mới gộp chung ý nghĩa trong kinh này để nói thì hết thấy các cõi nước chính là tướng Cực Lạc, còn có thế giới Cực Lạc nào nữa? “*Kim khai khổ lạc, tự vi bỉ kinh*” (nay tách ra thành khổ và lạc, dường như mâu thuẫn với kinh ấy), bắt bẻ: Kinh Duy Ma nói khổ và lạc chẳng hai, khổ và lạc như một, trong kinh này chúng ta nói khổ và lạc đối lập, khổ lạc rạch ròi, khác với kinh Duy Ma, có mâu thuẫn hay không? Dưới đây là lời giải đáp rất hay!

**(Sao) Đáp: *Hiền Thủ đại sư thích bỉ kinh ý, vị thị dẫn dĩ mê đảo, vọng kiến sanh tử, danh tại thử ngạn; ngộ sanh tử không, bản lai viên tịch, tức danh bỉ ngạn.***

**(鈔) 答：賢首大師釋彼經意，謂是但以迷倒，妄見生死，名在此岸；悟生死空，本來圓寂，即名彼岸。**

**(Sao) Đáp: *Hiền Thủ đại sư giải thích kinh ấy có ý nói: Chỉ vì mê hoặc, điên đảo, lầm lạc thấy có sanh tử, nên gọi là “ở bờ này”. Ngộ sanh tử là Không, vốn sẵn viên mãn, vắng lặng, bèn nói là “bờ kia”.***

Kinh Duy Ma nói chẳng sai, mà kinh này cũng chẳng nói trật. Những điều được nói trong kinh Duy Ma hoàn toàn là nói xứng tánh, là cảnh giới của Phật và đại Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của phàm phu. Không chỉ chẳng là cảnh giới của phàm phu, mà Nhị Thừa và Quyền Giáo Bồ Tát đều chẳng thấy được, vì sao? Chưa kiến tánh. Chưa kiến tánh bèn gọi là mê, kiến tánh mới gọi là ngộ. Trong đoạn trả lời này, [Liên Trì đại sư] lại dẫn lời Hiền Thủ đại sư. Ngài Hiền Thủ<sup>3</sup> là thầy ngài Thanh Lương,

---

<sup>3</sup> Hiền Thủ (634-712) là cao tăng đời Đường, pháp danh Pháp Tạng, pháp tự Hiền Thủ, hiệu là Quốc Nhất pháp sư. Ngài còn được gọi là Hương Tượng đại sư, hoặc Khang Tạng Quốc Sư. Ngài vốn là người xứ Khang Cư, đến đời ông nội, cả họ di dân vào Trung Thổ, sống ở Trường An. Sư thông minh, mẫn tiệp từ nhỏ. Sư y chỉ ngài Vân Hoa Trí Nghiễm, nghe giảng kinh Hoa Nghiễm bèn thâm nhập huyền chỉ. Sau khi ngài Trí Nghiễm thị tịch bèn y chỉ ngài Bạc Trần. Do tinh thông các thứ tiếng Tây Vực, Sư vâng mạng tham gia dịch trường của ngài Nghĩa Tịnh, dịch các bộ Tân Hoa Nghiễm, Đại Thừa Nhập Lăng Già v.v... Sở học uyên bác của Sư về kinh Hoa Nghiễm đã khiến các vị sư huynh cao túc của Sư tiến cử Sư giảng kinh cho hoàng đế trong khi Sư chỉ là một sa-di. Khi giảng mười huyền môn của kinh Hoa Nghiễm cho Võ Tắc Thiên, Sư đã dùng con sư tử vàng trong điện làm tỷ dụ, Võ Tắc Thiên lãnh ngộ, sau đây, Sư vâng mệnh soạn bài Sư Tử Chương để ghi lại bài giảng ấy. Về sau, Sư trụ tại chùa Vân Hoa, Võ Tắc Thiên truyền mười vị đại đức chôn kinh thành cùng truyền đại giới cho Sư, ban tặng kinh Hoa Nghiễm, trên đề chữ Hiền Thủ Bồ Tát (ngụ ý ca ngợi Sư giống như

là tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm. Tông Hoa Nghiêm thật sự do ngài Hiền Thủ kiến lập; vì thế, Hoa Nghiêm Tông còn gọi là Hiền Thủ Tông. Sơ Tổ là hòa thượng Đỗ Thuận, nhị tổ là Vân Hoa đại sư, Hiền Thủ là đời thứ ba, vị này là một người rất lỗi lạc. Thời Hiền Thủ quốc sư, kinh Bát Thập Hoa Nghiêm còn chưa được dịch ra. Ba vị tổ sư từ ngài Hiền Thủ trở về trước đều dùng bản Lục Thập Hoa Nghiêm được dịch vào đời Tấn. Hiền Thủ quốc sư soạn một bản chú giải cho kinh Hoa Nghiêm, có tựa đề là Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký. Ngài Thanh Lương tiếp nối đạo mạch của ngài Hiền Thủ, tông Hoa Nghiêm đến đời ngài Thanh Lương đích xác đã phát dương quang đại đến mức tột bậc.

“*Hiền Thủ đại sư thích bí kinh ý*” nghĩa là giải thích kinh Duy Ma, lão nhân gia nói: “*Đản dĩ mê đảo, vọng kiến sanh tử, danh tại thử ngạn*” (chỉ vì mê hoặc, điên đảo, lầm lạc thấy có sanh tử, nên gọi là “ở bờ này”), mê hoặc, điên đảo! Điều này có nghĩa là “*sanh tử vốn là không, vốn chẳng có tự tánh*”. Nếu nói cặn kẽ, một bộ kinh Lăng Nghiêm nhằm giảng chuyện này. Thoạt đầu dấy lên vô minh, do vô minh dấy khởi ba tế tướng, từ Cảnh Giới Tướng lại hiện ra sáu thô tướng, tạo nghiệp, chịu báo qua lại trong lục đạo, chuyện là như thế đó. Thật tại là: Trong vô sanh tử, lầm lạc thấy có sanh tử. Giống như một người nằm mộng, tâm địa thanh tịnh căn bản là chẳng có mộng, nhưng mê rồi sẽ nằm mộng. Tuy nằm mộng, mộng cũng chẳng phải là thật. Ngày nay, chúng ta luân hồi trong lục đạo, nói thật thà, đó chẳng phải là thật sự. Quý vị ngỡ là thật, chứ nó chẳng thật. Thiền sư Vĩnh Gia nói rất hay: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (trong mộng rành rành phô sáu nẻo, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). Ý nghĩa này tương thông với kinh Duy Ma.

Nhưng chúng ta phải suy nghĩ, tuy mộng là giả, chẳng thật, nhưng nếu một người mỗi ngày đều gặp ác mộng, cũng rất khó chịu! Chúng ta chưa thoát ly lục đạo luân hồi là đang mơ một giấc mộng lớn, Phật, Bồ

---

Hiền Thủ Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm). Vì thế, Sư được gọi là Hiền Thủ quốc sư. Cả đời Sư giảng kinh Hoa Nghiêm hơn ba mươi lần, kiến lập giáo nghĩa tông Hoa Nghiêm. Ngoài chú giải kinh Hoa Nghiêm, Sư còn chú giải các kinh Lăng Già, Mật Nghiêm, Phạm Võng và Khởi Tín Luận. Ngài cũng đưa ra cách phán giáo chia giáo nghĩa nhà Phật thành năm giáo mười tông. Sư trước tác vô cùng phong phú, các tác phẩm của Sư được hậu thế nghiên cứu, học tập nhiều nhất là Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký, Hoa Nghiêm Liễu Giản, Hoa Nghiêm Nhất Thừa Giáo Nghĩa Phân Tê Chương (Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương), Hoa Nghiêm Kinh Chỉ Quy, Hoa Nghiêm Sách Lâm, Hoa Nghiêm Kinh Vấn Đáp, Đại Thừa Mật Giáo Kinh Sớ, Phạm Võng Kinh Sớ, Đại Thừa Khởi Tín Luận Sớ, Hoa Nghiêm Cương Mục, Hoa Nghiêm Huyền Nghĩa Chương, Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán v.v...

Tát trông thấy [phải than thở] oan uổng quá! Chuyện gì cũng đều chẳng có, nhưng do đang mộng nên ngỡ mộng là thật, chẳng biết chính mình đang nằm mộng, giấc mộng ấy càng mộng càng tệ hại hơn, nhân duyên quả báo diễn ra càng thảm thiết hơn! Thê thảm nhất không gì bằng sát sanh! Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: “*Người chết làm dê, dê chết làm người*”. Đây là nói người mổ dê, dê sau khi bị giết lại đầu thai làm người, người đã giết dê ăn thịt sau khi chết lại biến thành dê, oan oan tương báo [dây dưa] chẳng xong. Mỗi lần báo thù cũng đều quá mức; do vậy, oán cừ càng kết càng sâu. Đức Phật đã nói toạc sự thật này, nếu bản thân chúng ta suy nghĩ kỹ càng, đọc lịch sử [sẽ thấy] từ xưa đến nay, chiến tranh mỗi lần một thảm khốc hơn. Thời cổ, chư vị đọc lịch sử đều biết rõ [mức độ thảm khốc của mỗi cuộc chiến], còn trong thời cận đại thì so sánh giữa Thế Chiến lần thứ nhất và Thế Chiến lần thứ hai, Thế Chiến lần thứ hai thảm khốc hơn Thế Chiến lần thứ nhất rất nhiều! Có thể nào có Thế Chiến lần thứ ba hay không? Thừa cùng quý vị, chắc chắn là có! Thế Chiến lần thứ ba sẽ vượt xa Thế Chiến lần thứ hai. Hiện thời các quốc gia đều biết, Thế Chiến lần thứ ba bùng nổ sẽ chẳng có kẻ thắng cuộc mà sẽ là cùng nhau chết sạch.

Vì sao có chuyện “cùng nhau chết sạch”? Sát nghiệp của chúng sanh quá nặng, nghiệp báo mà! Chẳng có cách nào tránh khỏi. Đức Phật dạy chúng ta, nếu muốn thế gian chẳng có đao binh kiếp, trừ phi chúng sanh chẳng ăn thịt. Nếu chúng sanh trên cả thế giới đều giác ngộ, chúng ta đều chẳng ăn thịt chúng sanh. Nếu chẳng sát hại hết thảy chúng sanh, có lẽ đao binh kiếp sẽ có thể tránh khỏi. Chúng ta thấy sau Thế Chiến lần thứ hai, chúng sanh trên thế giới này sát sanh, ăn thịt vượt xa xã hội trước thời Thế Chiến thứ hai, vượt trội quá nhiều! Do cái nhân ác đường ấy, có thể nào tránh khỏi ác quả? Nhân quả báo ứng là chân lý, chẳng có cách nào thay đổi! Nếu chúng ta nhìn lại tình hình sau Thế Chiến thứ hai, lòng người trong xã hội thuở ấy so với hiện thời đã bị biến đổi hoàn toàn! Trong khoảng bốn mươi năm đầu thời Dân Quốc, lòng người còn khá thuần phác, đều còn rất thật thà, rất trung hậu. Con người hiện thời khác hẳn! Trong những năm Dân Quốc 38, 39, 40 (1951), chúng ta lạc đường, hỏi bất cứ ai trên đường, người ấy không chỉ rất nhiệt tình chỉ đường, mà còn dẫn quý vị đi, sợ quý vị lạc đường. Hiện thời, quý vị lạc đường, hỏi người ta, chẳng ai ngó ngang!

Ngoại quốc cũng giống như thế. Trong quá khứ, tiên sinh Phương Đông Mỹ nói: “Năm mươi năm trước, người Mỹ hết sức đáng mến”. Nói cách khác, năm mươi năm sau, người Mỹ chẳng còn đáng ưa nữa! Hiện

thời, các vấn đề trong giới trẻ của Mỹ hết sức nghiêm trọng. Giáo dục tự do, giới trẻ sa đọa là điều rất phổ biến, chẳng chịu học hành, hút xách. Nước Mỹ là nước tiêu thụ các chất nghiện ngập cao nhất thế giới. Chín mươi phân trăm sản phẩm ma túy đều do người Mỹ tiêu thụ, quá sức! Vấn đề này nghiêm trọng lắm! Đối với người hiểu rõ hoàn cảnh hiện thực trên thế giới này, đúng là không ai chẳng lo nghĩ, không có cách nào tránh khỏi, dứt trừ tai nạn!

Tuy là giả, chẳng thật, nhưng quý vị coi nó là thật, quý vị vẫn phải chịu nỗi khổ này. Quý vị chẳng thể nói nó là giả, ta sẽ không phải hứng chịu. Quý vị vẫn phải hứng chịu, mà còn phải chịu đựng vô cùng đau khổ. Đó là “*vô sanh tử trung, hôn mê, điên đảo, vọng kiến sanh tử, danh tại sanh tử thử ngạn*” (ở trong không sanh tử, hôn mê, điên đảo, lầm lạc thấy có sanh tử, gọi là ở bên này bờ sanh tử). “*Ngộ sanh tử không, bốn lai viên tịch, tức danh bỉ ngạn*” (Ngộ sanh tử là Không, vốn viên mãn, vắng lặng, gọi là bờ kia). Nếu quý vị thật sự khai ngộ, “*sanh tử bốn không, bốn lai Niết Bàn, tức sanh tử thử ngạn, tiên danh bỉ ngạn*” (sanh tử vốn là Không, vốn là Niết Bàn, nên bờ này sanh tử liền gọi là bờ kia), giữa đây và kia trọn chẳng có giới hạn. Bờ này và bờ kia, sanh tử và Niết Bàn, trong ấy chẳng có giới hạn, chỉ là mê hay ngộ sai khác. Mê bèn gọi là sanh tử, ngộ bèn gọi là Niết Bàn. Nói cách khác, Sa Bà và Cực Lạc cũng là như thế, mê bèn gọi là Sa Bà, Sa Bà là thế giới cực khổ, ngộ bèn gọi là Cực Lạc, đều là nói theo quả. Nếu nói theo nhân, mê là phiền não, vô lượng vô biên phiền não. Ngộ rồi sẽ chẳng gọi là phiền não, mà gọi là Bồ Đề, đúng là một, chẳng hai.

Nhưng có mấy ai giác ngộ? Có sức giác ngộ, tốt lắm! Chẳng còn chuyện gì nữa. Không có năng lực giác ngộ thì phải sanh về Tây Phương, vẫn phải nói tới cực khổ và Cực Lạc. Chẳng thể bảo cách nói này là sai, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là ngộ; chưa thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là mê! Nay chúng ta nói thật thà, phá mê khai ngộ là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là thật sự khai ngộ. Nếu quý vị chẳng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn khai ngộ trong thế gian này, chẳng dễ dàng đâu nhé! Trong ngàn vạn người, khó có được một kẻ, chẳng đơn giản! Dầu quý vị thật sự khai ngộ ở nơi đây, nhưng tập khí phiền não chưa đoạn hết, vẫn luân hồi trong lục đạo, tuyệt đối chẳng phải là nói “một ngộ, hết thủy ngộ, một ngộ liền rốt ráo ngộ” [như trong Tây Phương Cực Lạc thế giới]! Chẳng có chuyện dễ dàng như vậy! Như vậy thì mới rõ ràng đôi chút, muốn cầu đại triệt đại ngộ rốt ráo viên mãn, nguyên lai vẫn là phát nguyện sanh về thế giới Tây Phương.

Do vậy, Ngẫu Ích đại sư mới nói: “*Tâm phát nguyện vãng sanh là Vô Thượng Bồ Đề tâm*”, chúng ta suy nghĩ sẽ thấy Ngài nói lời ấy rất có lý. Tuy cách nói ấy, trong hết thầy kinh luận và hết thầy các vị tổ sư đại đức xưa nay chưa hề nói như thế, người đầu tiên nói như vậy là Ngẫu Ích đại sư, nhưng suy nghĩ cặn kẽ sẽ thấy hay lắm, càng suy nghĩ càng thấy hợp lý, Ngài nói chẳng sai! Tâm phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là Vô Thượng Bồ Đề tâm, [mà còn] là tâm đại triệt đại ngộ, là thật sự giác ngộ, viên mãn giác ngộ, triệt để giác ngộ. Do vậy, người phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là người thật sự lỗi lạc. Quý vị vừa phát cái tâm ấy, mười phương chư Phật tán thán, long thiên thiên thần đều cung kính, chúng ta có thể thấu hiểu sự thật này. Do vậy, bản thân chúng ta sẽ đạt được lợi ích sâu xa, thù thắng khôn sánh ấy trong một đời này. Chúng ta nhất định phải đem lợi ích ấy cho hết thầy chúng sanh cùng hưởng, như vậy thì mới có thể báo ơn Phật, mới chẳng có lỗi với A Di Đà Phật, không có lỗi với Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, mới thật sự thực hiện “*thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*” như trong bài kệ Hồi Hướng đã nói, chẳng phải là mỗi ngày đều hô khẩu hiệu, mỗi ngày luôn xướng cao giọng! Chúng ta phải thật sự thực hiện, tận tâm tận lực làm.

**(Sao) Kim vị diệc dĩ mê đảo, vọng kiến Ngũ Trược, danh trụ Sa Bà; ngộ Ngũ Trược không, bản lai thanh tịnh, tức danh Cực Lạc. Quốc độ thường tịnh, chúng sanh tự mê, mê đa, ngộ quả, thị khổ, thị lạc, bất dung dĩ dã.**

(鈔) 今謂亦以迷倒，妄見五濁，名住娑婆；悟五濁空，本來清淨，即名極樂。國土常淨，眾生自迷，迷多悟寡，示苦示樂，不容已也。

(Sao: Nay nói: Cũng do mê hoặc, điên đảo, lầm lạc mà thấy có Ngũ Trược nên gọi là “trụ trong Sa Bà”. Ngộ Ngũ Trược vốn là Không, vốn sẵn thanh tịnh, bèn gọi là Cực Lạc. Cõi nước thường tịnh, chúng sanh tự mê, mê nhiều, ngộ ít, nên chẳng thể nào không chỉ bày sự khổ, nêu ra sự vui).

Đoạn này là Kết Đáp (đúc kết lời đáp), căn cứ trên vấn đề được nêu ra ở phía trước. Chúng ta hiểu cõi nước nói thật ra là “*thường tịnh*”, nên thế giới vốn là Nhất Chân, Nhất Chân pháp giới, Hoa Nghiêm là Nhất Chân pháp giới. Kinh này cũng là Nhất Chân pháp giới, sau khi đã mê mới



có mười pháp giới. Trong mê thì Phật pháp giới thuộc mười pháp giới vẫn chưa phải là Nhất Chân pháp giới, đừng nên cho rằng sau khi đã mê thì hẳn chúng ta nói tới Phật pháp giới bèn đại khái là Nhất Chân pháp giới, chẳng phải vậy. Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật và Biệt Giáo Phật như đã nói trong tứ giáo của tông Thiên Thai tuy là Phật pháp giới, nhưng so với các địa vị trong Viên Giáo hoàn toàn chẳng cao! Biệt Giáo Phật bất quá là địa vị Nhị Hạnh Bồ Tát trong Viên Giáo, Thập Trụ, Thập Hạnh, [Biệt Giáo Phật] là địa vị thứ hai trong Thập Hạnh, nên có thể thấy địa vị của Ngài chẳng cao, Biệt Giáo mà! Tạng Giáo và Thông Giáo lại càng chẳng cần phải nói nữa, ngay cả [đem so với] Sơ Trụ Bồ Tát vẫn chẳng sánh bằng!

Pháp giới vốn là Nhất Chân, bản tánh của chúng ta vốn sẵn thanh tịnh, Lục Tổ nói rất hay: “*Vốn chẳng có vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”, vốn sẵn thanh tịnh! Do vậy, thanh tịnh là chân tướng, thật tướng. Vốn sẵn thanh tịnh, nay chẳng thanh tịnh, thừa cùng quý vị, chẳng thanh tịnh là giả, thanh tịnh là thật. Vốn sẵn thanh tịnh, nhưng thanh tịnh biến thành chẳng thanh tịnh, đó là Chân Như bản tánh có vấn đề, thật sự có ô nhiễm. Đức Phật thường dùng tỷ dụ, sánh ví Chân Như bản tánh như mặt trời, sánh ví mê tình, nhiễm ô của chúng ta như mây. Mây che lấp mặt trời, nhiễm bản bản tánh, chúng ta nghĩ xem mây có che khuất mặt trời hay chẳng? Che chẳng được! Mây che được gì? Che mắt chúng ta, trọn chẳng che mặt trời, tình hình thực tế là như vậy.

Vì thế, kinh Lăng Nghiêm và Viên Giác nói rất hay, mê vốn là giả, vốn trống không, chẳng phải là thật, ngộ mới là thật. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát cũng nói hết sức rõ ràng, “*Bốn Giác vốn có*”, Bốn Giác là ngộ, là bản tánh, là Nhất Chân pháp giới, vốn có! “*Bất Giác vốn không*”, Bất Giác là mê, mê vốn không! Giống như một kẻ nằm mộng, cái tâm có thể nằm mộng là vốn có, mộng cảnh vốn là không! Nhưng mộng cảnh rất ngắn ngủi, tạm thời, mộng cảnh có trở ngại chân tánh hay không? Không trở ngại. Chỉ cần quý vị giác ngộ, nó vốn sẵn chẳng trở ngại; đó gọi là “*chân - vọng bất nhị, tánh - tướng như nhau*”. Kinh Hoa Nghiêm kiến lập tứ vô ngại pháp giới, [tức là] Sự vô ngại, Lý vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, pháp giới chẳng có chướng ngại! Tất cả hết thảy chướng ngại đều do quý vị mê mất tự tánh, mê mất Nhất Chân, sanh ra vô lượng vô biên chướng ngại. Do vậy, có thể biết, tứ vô ngại pháp giới là Nhất Chân pháp giới, pháp giới có chướng ngại sẽ là mười pháp giới, do đâu sanh ra? Do mê hay ngộ mà sanh. Mười pháp giới là giả, Nhất Chân pháp giới là thật. Một pháp giới là thật, mười pháp giới là giả, cho nên gọi Nhất Chân!

Chúng sanh tự mình mê hoặc, điên đảo, rốt cuộc mê như thế nào? Trong quyển thứ tư của kinh Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na thỉnh giáo Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài thưa hỏi vô minh sanh ra như thế nào? Vì sao có vô minh? Khi nào vô minh sẽ sanh? Thành Phật là đã đoạn vô minh, khi nào lại dấy lên vô minh? Hỏi những vấn đề ấy. Đức Phật nói về cội nguồn của vô minh: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (từ trong tri kiến lại lập ra một cái biết nữa, đó là cái gốc của vô minh), tám chữ của đức Phật đã trả lời rõ ràng, minh bạch. Vô minh do đâu mà có? Quý vị nghĩ chính mình hiểu biết, đó là vô minh! “*Tri kiến*” [trong câu “*tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*”] là chánh tri chánh kiến, Phật tri, Phật kiến, từ trong chánh tri chánh kiến, quý vị lại lập ra một thứ tri kiến nữa, trật rồi! Đó là vô minh. Nếu chẳng lập một tri kiến nào, thiên hạ thái bình, chuyện gì cũng đều chẳng có. Lập ra tri kiến như thế nào? Phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, quý vị chắc chắn lập ra ba thứ này!

Thí dụ như Thiền gia thường dùng phương pháp này, [hòa thượng cầm cái thẻ kẹp sách] giơ lên, quý vị đã trông thấy rõ ràng, rành rẽ, đây là gì? Cái thẻ kẹp sách. Đó là quý vị lập tri kiến, đó là vô minh. Nó vốn chẳng có tên, quý vị gán cho nó một cái tên. Quý vị gọi nó là “thẻ kẹp sách”, người khác gọi nó là “một mảnh giấy”, mỗi người gán cho nó một cái tên khác nhau, quý vị chỉ đành tranh cãi, dấy lên tranh chấp. Đó là căn bản của vô minh. Chúng ta mắt có thể thấy, tai có thể nghe, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều hiểu rõ ràng, minh bạch. Nếu trong ấy chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng, đó là Phật tri Phật kiến. Kinh Pháp Hoa nói “*nhập Phật tri kiến*”, quý vị vốn có tri kiến, chánh tri chánh kiến! Vừa mới dấy lên một tí phân biệt, chấp trước, tri kiến liền bị biến chuyển, biến thành vô minh, phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, biến thành sanh tử luân hồi, Nhất Chân pháp giới lập tức bị biến thành mười pháp giới. Kinh Lăng Nghiêm đã dạy chúng ta đạo lý này.

Giao Quang đại sư chủ trương người thật sự tu hành “*bỏ Thức dùng Căn*”, “*dùng Căn*” là dùng căn tánh của sáu căn, chúng ta mắt thấy, đừng nên dùng thức thứ sáu tức Ý Thức, đừng nên dùng thức thứ bảy, chớ nên dùng thức thứ tám, là được rồi! Dùng gì để thấy? Thấy bằng tánh Thấy. Tôi vừa mới nêu ra một thí dụ, nay quý vị thấy rõ ràng, minh bạch như vậy, đó là quý vị thấy bằng tánh Thấy. Quý vị lại lập một tri kiến trên đó, nó sẽ biến thành cái thấy bằng Ý Thức tức thức thứ sáu và thức thứ bảy. Quý vị chấp trước đây là cái thẻ kẹp sách, đó là [sự nhận biết bằng] thức thứ sáu, cho rằng nó nhất định là cái thẻ kẹp sách, chứ chẳng phải thứ gì

khác! Đó là thức thứ bảy. Thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, thức thứ tám lưu ấn tượng, sai biệt ở chỗ này!

Như thế nào sẽ khiến cho chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, nhưng trong tâm thật sự chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng? Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần thì căn tánh của sáu căn khởi tác dụng, chẳng sử dụng tám thức. Vậy thì quý vị là Phật, Bồ Tát, là người thật sự giác ngộ. Chúng ta nghĩ người như vậy sẽ biến thành cái gì cũng chẳng biết, người ta đưa ra thứ gì đó, hỏi quý vị cái gì đây? Không biết! Không biết cũng là vô minh. Quý vị cũng nổi lên phân biệt, chấp trước. Quý vị nói “ta biết” thì biết là tà kiến, tà tri tà kiến; “không biết” thì không biết là vô minh, vấn đề này to lớn, ngay lập tức xảy ra vấn đề! Chúng ta hỏi chuyện gì, hỏi Phật thì đức Phật cũng nói. Bởi lẽ, trí huệ có hai thứ:

- Một là Căn Bản Trí, [còn gọi là] Thật Trí, tức trí huệ chân thật, thấy bằng tánh Thấy. Trí huệ chân thật thì trong tâm trong sạch, đích xác là “vốn chẳng có một vật”.

- Loại trí huệ thứ hai phát sanh từ loại trí huệ chân thật thứ nhất, được gọi là Hậu Đắc Trí, hoặc Tha Thụ Dụng Trí, chẳng phải để cho chính mình thụ dụng. Người ta hỏi quý vị: “Đây là gì?” Cái thẻ kẹp sách. Không phải là tôi chấp trước cái thẻ kẹp sách, mà do quý vị đều chấp trước nó là cái thẻ kẹp sách, tôi thuận theo sự phân biệt của quý vị mà phân biệt, tùy thuận sự chấp trước của quý vị mà chấp trước, bản thân tôi quả thật chẳng có phân biệt, chấp trước, đó là Tha Thụ Dụng Trí.

Do vậy, đức Phật vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp, giảng suốt bốn mươi chín năm, nhưng Ngài nói “ta chẳng nói một câu nào”, đúng vậy! Chẳng giả! Vì sao? Những gì Ngài đã nói đều là tùy thuận chúng ta mà nói. Nếu [tùy thuận] chính Ngài mà nói, Ngài chẳng nói một câu nào! Nói “Phật chẳng nói một câu nào” là nói theo phía bản thân Ngài, “thuyết pháp bốn mươi chín năm” là nói theo phía chúng sanh. Chúng ta phải học lấy điều này, làm thế nào để có thể giữ gìn thân tâm của chính mình thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần trong cảnh giới, quyết định chẳng có phân biệt, vọng tưởng, chấp trước. Đối với cảnh giới bên ngoài, bất cứ gì cũng đều rõ ràng. Vì sao? Tấm gương của quý vị trong sạch, chẳng bị nhiễm bẩn. Không chỉ là hiểu rõ cảnh giới trước mắt, mà quý vị còn biết quá khứ, tương lai cũng biết. Hết thấy chúng sanh tới thỉnh giáo quý vị, sẽ tùy cơ, tùy duyên chỉ dạy họ, [sự chỉ dạy ấy] nhất định là hay khéo, có thể khiến cho chúng sanh khai ngộ.

“*Kim vị diệc dĩ mê đảo*” (nay cũng vì mê hoặc, điên đảo), là mê hoặc, điên đảo, “*vọng kiến Ngũ Trược, danh trụ Sa Bà; ngộ Ngũ Trược*

*không, bốn lai thanh tịnh, tức danh Cực Lạc. Quốc độ thường tịnh, chúng sanh tự mê, mê đa ngộ quả*” (lầm lạc thấy Ngũ Trược, nên gọi là “trụ trong Sa Bà”. Ngộ Ngũ Trược là Không, vốn sẵn thanh tịnh, nên gọi là Cực Lạc. Cõi nước thường tịnh, chúng sanh tự mê, mê nhiều, ngộ ít), kẻ mê quá nhiều, người giác ngộ quá ít, giống như lông phượng, sừng lân, “*thị khổ, thị lạc, bất dung dĩ dĩ*” (chẳng thể nào không chỉ khổ, nêu vui). Nói thật ra, vì có gì phải chia thành khổ, vui, khuyên dạy hết thảy chúng sanh phải nhàm lìa Sa Bà, phải ưa cầu Cực Lạc? Thực tại là vì thế giới này, chúng sanh độn căn đông đảo, quá nhiều kẻ mê, nên mới bất đắc dĩ tùy thuận chúng sanh mà thuyết minh chỗ khác nhau, sự khổ, điều vui giữa hai thế giới, khiến cho họ có cái để chọn lựa, có thể chán khổ, có thể ưa vui, giúp họ nhập Nhất Chân pháp giới, giúp họ thật sự triệt để giác ngộ. Vì thế, đây là một pháp phương tiện bất đắc dĩ. Phật độ chúng sanh, nếu chẳng có phương tiện sẽ chẳng thể độ chúng sanh. Đó gọi là “*đại khai phương tiện chi môn*” (mở toang cửa phương tiện). Pháp môn này là phương tiện nhất trong các phương tiện, là môn phương tiện bậc nhất! Bất luận người nào nếu nương theo môn này, chắc chắn sẽ đắc độ, quyết định giác ngộ, quyết định thành Phật.

Pháp phương tiện này có công đức, lợi ích rất lớn, hết sức có giá trị, chẳng thể nói phương pháp này không hay. Người đã giác ngộ chẳng cần đến pháp này, nhưng đối với kẻ chưa triệt để giác ngộ, pháp môn này hữu dụng. Không chỉ hữu dụng đối với phàm phu chúng ta, mà quý vị thấy trong hội Hoa Nghiêm, đối với bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ cũng hữu dụng, vì sao? Tuy họ giác ngộ, nhưng chưa triệt để giác ngộ, chưa đạt đến giác ngộ rốt ráo viên mãn, vẫn phải dạy họ ghét khổ, chuộng vui, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc, chúng Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo viên mãn. Ngay cả bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ mà còn như thế, huống gì chúng ta nay đang ở trong lục đạo, thuộc địa vị phàm phu. Do vậy, câu hỏi này hỏi rất cao. Nếu chẳng giảng rõ ràng viên mãn, nói chung, nó sẽ trở thành một nghi vấn. Nghi vấn sẽ sanh ra chướng ngại cho người tu hành. Hôm nay chúng ta đọc đến đoạn này!